

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 8 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mâm.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Mỹ H (M)**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T (Chí T1)**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2024 và các lời khai tại Tòa án chị **Đặng Mỹ H (nguyên đơn)** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Phạm Văn T** chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh **T** không quan tâm lo lắng gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không kết quả và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu ly hôn với anh **Phạm Văn T**.

Về con chung: Chị xác định có 04 con chung tên **Phạm Vũ K**, sinh ngày 30/10/2011; **Phạm Minh T2**, sinh ngày 03/3/2013; **Phạm Anh T3**, sinh ngày 03/3/2013 và **Phạm An T4**, sinh ngày 02/11/2018. Hiện nay, các con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh **Phạm Văn T**, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị **Đặng Mỹ H** nhưng anh **T** không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh **T** tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh **T** vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập họp lệ anh **Phạm Văn T** tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh **T** vắng mặt không lý do; nguyên đơn chị **Đặng Mỹ H** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**, chị **H** theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa chị **Đặng Mỹ H** với anh **Phạm Văn T** là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Phạm Văn T** có địa chỉ cư trú tại **ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về hôn nhân: Chị **Đặng Mỹ H** và anh **Phạm Văn T** chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình và được **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C** xác nhận ngày 17/11/2023. Do đó, hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý. Qua mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** như chị **H** trình bày, mặc dù chị **H** yêu cầu xin ly hôn với anh **T** nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị **H** và anh **T** là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị **H** xác định có 04 con chung tên **Phạm Vũ K**, sinh ngày 30/10/2011; **Phạm Minh T2**, sinh ngày 03/3/2013; **Phạm Anh T3**, sinh ngày 03/3/2013 và **Phạm An T4**, sinh ngày 02/11/2018. Hiện nay, các con đang sống với chị **H**. Sau khi ly hôn chị **H** yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay chị **H** nuôi dưỡng các con cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2024 cháu **Phạm**

Vũ K, cháu Phạm Minh T2, cháu Phạm Anh T3 đều có nguyện vọng muốn sống với chị H, anh T cũng không có ý kiến yêu cầu được nuôi các con nên yêu cầu nuôi con của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Phạm Vũ K, cháu Phạm Minh T2, cháu Phạm Anh T3 và cháu Phạm An T4 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Mỹ H (M) và anh Phạm Văn T (C) là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cho chị Đặng Mỹ H (M) được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung tên Phạm Vũ K, sinh ngày 30/10/2011; Phạm Minh T2, sinh ngày 03/3/2013; Phạm Anh T3, sinh ngày 03/3/2013 và Phạm An T4, sinh ngày 02/11/2018. Anh Phạm Văn T (Chí Thắng) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn T (C) không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Mỹ H (M) phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013259 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị **Đặng Mỹ H** và anh **Phạm Văn T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền